

CHUYÊN ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT VÀ LUYỆN THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG 2009

Môn: ĐỊA LÝ

Chuyên đề: ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI

I. MỤC ĐÍCH CHUYÊN ĐỀ

- Giúp học sinh hiểu và nắm vững các đặc điểm nổi bật của cấu trúc địa hình Việt Nam, nhấn mạnh phần lớn diện tích nước ta là đồi núi, nhưng chủ yếu là đồi núi thấp. Đặc điểm của địa hình đồng bằng và so sánh sự khác nhau giữa các vùng đồng bằng ở nước ta.
- Sự phân hoá địa hình đồi núi ở Việt Nam, đặc điểm mỗi vùng và sự khác nhau giữa các vùng.

II. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Đặc điểm chung của địa hình

1.1. Đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích

- Núi cao dưới 1000 m chiếm 85% núi trung bình 14%, núi cao chỉ có 1%.
- Đồng bằng chỉ chiếm 1/4 diện tích đất đai.

1.2. Cấu trúc chính của địa hình nước ta

- Các dãy núi hướng tây bắc - đông nam : Hoàng Liên Sơn, Bắc Trường Sơn...
- Các dãy núi hướng vòng cung : Đông Triều, Bắc Sơn, Ngân Sơn, Sông Gâm và Nam Trường Sơn.

1.3. Địa hình mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa

1.4. Địa hình nước ta rất đa dạng và phân chia thành các khu vực

- Nước ta có nhiều kiểu địa hình và phân chia thành nhiều khu vực địa hình: khu vực địa hình đồi núi, trung du; địa hình đồng bằng.

2. Các khu vực địa hình

2.1. Địa hình đồi núi

a. Vùng núi Đông Bắc

- ❖ Giới hạn : Vùng núi phía tả ngạn sông Hồng
- ❖ Chủ yếu là đồi núi thấp.
- ❖ Gồm 4 cánh cung lớn là cánh cung Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn và Đông Triều mở rộng về phía bắc và đông chụm lại ở Tam Đảo.
- ❖ Hướng nghiêng : cao ở tây bắc thấp dần xuống đông nam.

b. Vùng núi tây bắc

- ❖ Giới hạn : Nằm giữa sông Hồng và sông Cả.
- ❖ Địa hình cao nhất nước ta. Dãy Hoàng Liên Sơn (Phanxipang 3143m).
- ❖ Các dãy núi hướng tây bắc – đông nam, xen giữa là các cao nguyên đá vôi (cao nguyên Sơn La, Mộc Châu).

c. Vùng núi Bắc Trường Sơn

- ❖ Giới hạn : Từ sông Cả tới dãy núi Bạch Mã.
- ❖ Hướng tây bắc – đông nam.
- ❖ Các dãy núi song song, so le, cao ở hai đầu ở giữa có vùng núi đá vôi (Quảng bình, Quảng trị).

d. Vùng núi Trường Sơn Nam

- ❖ Các khối núi Kontum, khối núi cực nam tây bắc, sườn tây thoải, sườn đông dốc đứng.
- ❖ Các cao nguyên đất đỏ ba dan : Playku, Đăk Lăk, Mơ Nông, Lâm Viên bề mặt bằng phẳng, độ cao xếp tầng 500 – 800 – 1000 m.

2.2. Khu vực đồng bằng

a. Đồng bằng châu thổ gồm có: Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.

- ❖ Đồng bằng sông Hồng:
 - Nguyên nhân hình thành: Do phù sa sông Hồng và sông Thái Bình bồi tụ
 - Diện tích: 15.000 km².

- Có hệ thống đê ngăn lũ ven sông; Vùng trong đê không được bồi phù sa hằng năm; Ít chịu tác động của thủy triều.
- ❖ Đồng bằng sông Cửu Long:
 - Nguyên nhân hình thành: Do phù sa sông Tiền và sông Hậu bồi tụ
 - Diện tích: 40.000 km².
 - Có hệ thống kênh rạch chằng chịt; Được bồi phù sa hằng năm; Chịu tác động mạnh của thủy triều.
- b. Đồng bằng ven biển: chủ yếu do phù sa bồi đắp nên, đất ở đây có nhiều cát, ít phù sa. Diện tích khoảng 15000 km².**
 - ❖ Lãnh thổ hẹp ngang, bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ
 - ❖ Các đồng bằng lớn là: Đồng bằng sông Mã, sông Chu; đồng bằng sông Cả; sông Thu Bồn; sông Đà Rằng...

3. Thế mạnh và hạn chế về tự nhiên của các khu vực đồi núi và đồng bằng trong phát triển kinh tế – xã hội

a. Khu vực đồi núi

*** Thuận lợi**

- ❖ Các mỏ nội sinh tập trung ở vùng đồi núi thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp.
- ❖ Tài nguyên rừng giàu có về thành phần loài với nhiều loài quý hiếm, tiêu biểu cho sinh vật rừng nhiệt đới.
- ❖ Bề mặt cao nguyên bằng phẳng thuận lợi cho việc xây dựng các vùng chuyên canh cây công nghiệp.
- ❖ Các dòng sông ở miền núi có tiềm năng thủy điện lớn. (Sông Đà, sông Đồng Nai...).
- ❖ Với khí hậu mát mẻ, phong cảnh đẹp nhiều vùng trở thành nơi nghỉ mát nổi tiếng như Đà Lạt, Sa Pa, Tam Đảo, Ba Vì, Mẫu Sơn...

*** Khó khăn**

- ❖ Địa hình bị chia cắt mạnh, nhiều sông suối, hẻm vực, sườn dốc gây trở ngại cho giao thông, cho việc khai thác tài nguyên và giao lưu kinh tế giữa các miền.
- ❖ Do mưa nhiều, độ dốc lớn miền núi là nơi xảy ra nhiều thiên tai : lũ quét, xói mòn trượt lở đất, tại các đứt gãy sâu còn phát sinh động đất. Các thiên tai khác như lốc, mưa đá, sương muối, rét hại...

b. Khu vực đồng bằng

*** Thuận lợi :**

- ❖ Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng các loại nông sản, đặc biệt là gạo.
- ❖ Cung cấp các nguồn lợi thiên nhiên khác như khoáng sản, thủy sản và lâm sản.
- ❖ Là nơi có điều kiện để tập trung các thành phố, các khu công nghiệp
- ❖ Và các trung tâm thương mại.

*** Khó khăn :**

- ❖ chịu nhiều thiên tai bão, lụt, hạn hán...

III. CÙNG CỐ KIẾN THỨC

Câu 1: Nêu đặc điểm chung của địa hình nước ta?

Câu 2: Những thế mạnh và mặt hạn chế của thiên nhiên khu vực đồi núi đối với phát triển kinh tế xã hội.

Câu 3: So sánh giữa đồng bằng Sông Hồng và đồng bằng Sông Cửu Long về điều kiện hình thành, đặc điểm địa hình và đất?

Hướng dẫn làm bài

Câu 1:

Địa hình nước ta với diện tích đồi núi chiếm phần lớn nhưng chủ yếu là đồi núi thấp:

- ❖ Địa hình đồi núi chiếm tới 3/4 diện tích lãnh thổ, làm cho thiên nhiên nước ta có đặc điểm chung là thiên nhiên của đất nước nhiều đồi núi.

- ❖ Địa hình có độ cao dưới 1000m chiếm tới 85% diện tích phân bố chủ yếu ở khu vực phía Bắc và phía Tây lãnh thổ, địa hình cao trên 2000m chỉ chiếm khoảng 1%.

Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng với sự phân bậc rõ nét:

- ❖ Địa hình nước ta được vận động Tân kiến tạo làm trẻ hóa và có tính phân bậc.
- ❖ Địa hình thấp dần theo hướng từ Tây Bắc xuống Đông Nam.
- ❖ Cấu trúc gồm 2 hướng chính:
 - Hướng tây bắc – đông nam: từ hữu ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã.
 - Hướng vòng cung: vùng núi Đông Bắc, Trường Sơn Nam.

Địa hình mang tính chất của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa:

- ❖ Địa hình chịu sự ảnh hưởng của chế độ khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Với nền nhiệt cao, trong năm có gió mùa hoạt động vào mùa đông và mùa hè.
- ❖ Địa hình bị chia cắt mạnh do sự mưa lớn tạo dòng chảy bào mòn địa hình.

Địa hình chịu sự tác động mạnh mẽ của con người

- ❖ Quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa diễn ra mạnh mẽ đang tác động không tốt tới địa hình nước ta.
- ❖ Các quá trình khai thác có tác động mạnh mẽ làm biến đổi địa hình đó là: khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, đốt rừng làm nương rẫy...

Câu 2:

- ❖ Địa hình đồi núi phân bố chủ yếu ở phía Bắc và phía Tây nước ta, chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ.
- ❖ Được chia thành 4 vùng chính là: Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.
- ❖ Các thế mạnh:
 - Thế mạnh về nguồn tài nguyên khoáng sản: Tập trung nhiều loại khoáng sản có nguồn gốc nội sinh như: đồng, chì, thiếc, sắt, niken, vàng... và các khoáng sản có nguồn gốc ngoại sinh: bô xít, apatit, than đá, đá vôi. Là các nguyên, nhiên liệu cho các ngành công nghiệp.
 - Thế mạnh về rừng và đất trồng tạo thuận lợi cho phát triển nông lâm nghiệp nhiệt đới.

- Rừng giàu về thành phần loài động thực vật, có nhiều loài quý hiếm.
 - Các cao nguyên và các thung lũng tạo thuận lợi cho việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc.
 - Ngoài ra ở những vùng núi cao do có khí hậu cùng núi cao nên có thể nuôi trồng được các loài động thực vật cận nhiệt và ôn đới.
 - Đất vùng bán bình nguyên và đồi trung du thích hợp để trồng các cây công nghiệp, cây ăn quả và cây lương thực.
- ❖ Thế mạnh về nguồn thủy năng: Sông ngòi có tiềm năng thủy điện lớn, với các con sông có giá trị thủy điện lớn và đang được đưa vào khai thác như: Sông Đà, Sông Chảy, Sông Xrêpóc, sông Sài Gòn...
- ❖ Tiềm năng về du lịch: thuận lợi cho các loại hình du lịch tham quan, nghỉ dưỡng...đặc biệt là du lịch sinh thái.
- ❖ Mặt hạn chế:
- Do địa hình là đồi núi nên gây khó khăn trở ngại cho việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.
 - Ở nhiều vùng địa hình bị chia cắt mạnh, lắm sông suối, hẻm vực, sườn dốc gây trở ngại cho giao thông, cho việc khai thác tài nguyên và giao lưu kinh tế giữa các vùng.
 - Cùng với ảnh hưởng của mưa nhiều dễ gây ra trượt lở đất, lũ quét, xói mòn.
 - Tại các đứt gãy sâu có nguy cơ phát sinh động đất, ở Tây Bắc đã trong những năm gần đây đã xảy ra hiện tượng động đất.
 - Các thiên tai khác như lốc, mưa đá, sương muối, rét hại...thường gây tác hại lớn cho đời sống và sản xuất.
- ❖ Vì vậy cần phải có những biện pháp khắc phục và hạn chế những mặt tồn tại của vùng nhằm mang lại những thuận lợi cho sự phát triển kinh tế xã hội của miền núi.

Câu 3:

Giống nhau:

- ❖ Đều là hai đồng bằng châu thổ sông, hình thành và phát triển do phù sa sông bồi tụ dần trên vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng.
- ❖ Địa hình bằng phẳng, độ cao dưới 50m so với mặt nước biển.

Khác nhau:

❖ Đồng bằng sông Hồng

- Được bồi tụ phù sa của hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Thái Bình.
- Lịch sử khai thác lâu đời và biến đổi mạnh mẽ.
- Đặc điểm:
 - Diện tích 15 000 km².
 - Địa hình cao ở rìa tây bắc, thấp dần ra biển.
 - Bề mặt đồng bằng bị chia cắt thành nhiều ô.
 - Có hệ thống đê ngăn lũ nên chỉ có vùng ngoài đê là tiếp tục được bồi đắp phù sa, trong đê gồm các khu ruộng cao bạc màu và các ô trũng ngập nước.
- Đất: đất trong đê đang trở nên bạc màu, ngoài đê vẫn được phù sa bồi đắp.

❖ Đồng bằng sông Cửu Long:

- Được bồi tụ phù sa hàng năm của sông Tiền và sông Hậu.
- Lịch sử khai thác trẻ hơn đồng bằng sông Hồng.
- Đặc điểm:
 - Diện tích khoảng 40 000 km².
 - Địa hình thấp nhiều nơi chỉ cao trên 2m so với mực nước biển và bằng phẳng hơn.
 - Trên bề mặt là hệ thống kênh rạch chằng chịt.
 - Mùa lũ nước ngập trên một diện tích lớn và thoát chậm, mùa cạn thì nước triều lấn mạnh làm cho 2/3 diện tích đồng bằng là nhiễm mặn và phèn.
- Đất: dải đất phù sa ven sông Tiền và sông Hậu, diện tích đất bị nhiễm mặn và phèn lớn chiếm tới 2/3 diện tích đồng bằng phân bố chủ yếu rìa phía nam và phía đông.

IV. BÀI TẬP VỀ NHÀ

Câu 1. Khoanh tròn ý em cho là đúng nhất



1.1. Khu vực có địa hình cao nhất nước ta là

- a. Tây Bắc.
- b. Đông Bắc.
- c. Bắc Trường Sơn.
- d. Tây Nguyên.

1.2. Đặc điểm nổi bật của địa hình nước ta là

- a. Địa hình chủ yếu là đồng bằng châu thổ.
- b. Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích.
- c. Chủ yếu là địa hình cao nguyên.
- d. Địa hình bán bình nguyên chiếm phần lớn diện tích.

Câu 2. Hãy ghép đôi các vùng địa hình ở cột bên trái phù hợp với đặc điểm ở cột bên phải

1. Vùng núi Đông Bắc	A. Địa hình cao nhất nước ta, các dãy núi hướng tây bắc - đông nam
2. Vùng núi Tây Bắc	B. Gồm các khối núi và các cao nguyên xếp tầng
3. Vùng núi Bắc Trường Sơn.	C. Gồm các cánh cung mở về phía bắc và phía đông
4. Vùng núi Nam Trường Sơn	D. Gồm các dãy núi song song và so le hướng tây bắc - đông nam.

Câu 3: Kết hợp kiến thức đã học và quan sát hình 6.1 và Atlas địa lí Việt Nam, hãy điền tiếp vào bảng sau đặc điểm các vùng địa hình của nước ta.

Các vùng địa hình	Giới hạn	Hướng núi	Độ cao	Các dãy núi chính
Vùng núi Đông Bắc				
Vùng núi Tây Bắc Trường Sơn				
Vùng núi Nam Trường Sơn				

Câu 4: Nêu và phân tích những điểm khác nhau cơ bản về địa hình giữa hai vùng Tây Bắc và Đông Bắc?